

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Mặc dù đã tăng lên ngưỡng 1,333 trong phiên sáng nhưng áp lực bán tại đây đẩy chỉ số trở lại đóng cửa tại mốc 1,326.15 điểm, gần như không thay đổi so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin và Truyền thông dẫn đầu đà giảm. Ở chiều ngược lại, ngành Bất động sản và Ngân hàng tiếp tục là trụ đỡ cho thị trường. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Rủi ro gia tăng khi VN-Index đóng cửa dưới 1,330 trong hai phiên liên tiếp. Chỉ số có thể sẽ tiếp tục lùi về 1,315 - 1,320 và kiểm tra lại vùng hỗ trợ cũ tại đây.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2509.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 14/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-0.12** điểm, đóng cửa tại **1326.15** điểm. HNX-Index **+1.42** điểm, đóng cửa tại **242.73** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.77)**, **SHB (+0.75)**, **VPB (+0.70)**, **VCB (+0.69)**, **NVL (+0.36)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-1.78)**, **GAS (-0.34)**, **HVN (-0.30)**, **BSR (-0.26)**, **LPB (-0.26)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,256** tỷ đồng, giảm **-7.82%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,980 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.02 điểm. Thị trường có **170** mã tăng, **87** mã tham chiếu, **283** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-231.51** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-646.69 tỷ)**, **DBC (-179.40 tỷ)**, **NLG (-121.91 tỷ)**, **HPG (-118.70 tỷ)**, **STB (-87.39 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-57.69** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.25%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - PDR (+2.02%)** ([Link báo cáo](#))
 - VPB (+1.82%)** ([Link báo cáo](#))
 - MSB (+1.75%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.45%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - DIG (+2.74%)**
 - DXG (+1.56%)** ([Link báo cáo](#))
 - VIC (+1.56%)**

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.25%	-0.45%	-0.01%	-0.02%
1 tuần	-1.22%	-1.29%	0.01%	-0.20%
1 tháng	2.58%	3.89%	4.68%	3.84%
3 tháng	0.72%	4.18%	5.04%	4.16%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,326.15	242.73	99.38
% 1D	-0.01%	0.59%	0.36%
GTGD (tỷ VND)	21,256	1,251	782
%1D	-7.82%	6.69%	-4.53%
GDNN (tỷ VND)	-231.51	-57.69	-88.08

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIX	357.38	FPT	-646.69
VHM	142.44	DBC	-179.40
MWG	136.65	NLG	-121.91
MSN	92.06	HPG	-118.70
SHB	73.69	STB	-87.39

Thị trường thế giới

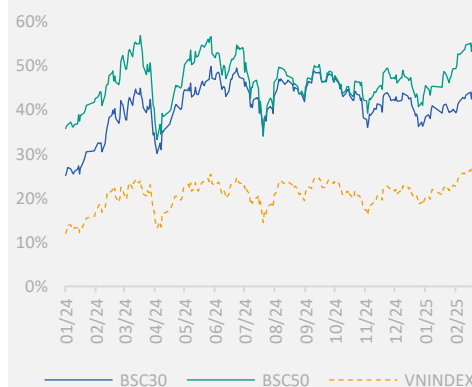
		%D	%W
SPX	5,522	-1.39%	-3.78%
FTSE100	8,577	0.41%	-1.18%
Eurostoxx	5,364	0.49%	-1.95%
Shanghai	3,420	1.81%	1.39%
Nikkei	37,079	0.78%	0.58%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	70.65	0.71%
Giá vàng	2,993	-0.24%
Tỷ giá		
USD/VND	25,710	0.12%
EUR/VND	28,438	-0.24%
JPY/VND	176	-0.56%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.0%	0.02%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

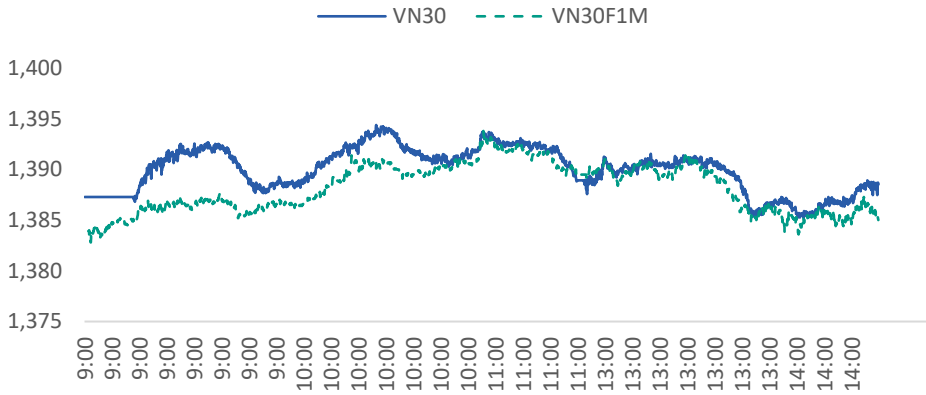
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1382.00	0.04%	16	-80%	9/18/2025	188
VN30F2504	1384.50	-0.26%	929	4%	4/17/2025	34
VN30F2503	1385.00	-0.04%	193,169	-4%	3/20/2025	6
VN30F2506	1380.20	-0.04%	70	-15%	6/19/2025	97

Nguồn: FiinproX, BSC Research
Nhận định

- VN30 -0.27 điểm, đóng cửa tại 1387.03 điểm. Biên độ dao động 9.19 điểm. Các cổ phiếu như FPT, LPB, HPG, ACB, STB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với thanh khoản ở mức cao. Áp lực bán cuối phiên không còn mạnh như hôm qua, cho thấy cung cầu có tín hiệu dần cân bằng. Khuyến nghị nhà đầu tư chú ý basic và giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2509. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2504. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2503, VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSHB2402	3/28/2025	14	2,239,600	-82.31%	1.13	380	245.5%	4.78	1.89	10.70	10.70
CSHB2403	6/30/2025	108	1,519,500	-76.14%	1.23	660	112.9%	4.74	2.55	10.70	10.70
CSHB2401	5/14/2025	61	102,600	-72.80%	1.15	880	76.0%	4.78	2.91	10.70	10.70
CTPB2404	3/28/2025	14	15,200	-88.14%	1.79	30	50.0%	3.58	1.91	16.10	16.10
CSHB2501	6/26/2025	104	1,880,400	-70.85%	0.99	1,180	47.5%	5.39	3.12	10.70	10.70
CVJC2501	6/30/2025	108	30,500	-84.37%	10.61	800	40.4%	14.69	15.41	98.60	98.60
CVPB2411	3/28/2025	14	290,400	-88.54%	2.17	40	33.3%	8.72	2.25	19.60	19.60
CVIC2406	3/28/2025	14	403,200	-80.39%	4.69	1,110	16.8%	9.50	10.24	52.20	52.20
CMWG2409	3/28/2025	14	2,300	-87.66%	6.89	70	16.7%	5.46	7.59	61.50	61.50
CVPB2408	4/28/2025	45	538,000	-87.14%	2.10	210	16.7%	8.76	2.52	19.60	19.60
CVIC2407	6/30/2025	108	42,900	-76.82%	4.90	1,440	14.3%	9.47	12.10	52.20	52.20
CVPB2401	5/21/2025	68	343,900	-83.82%	1.99	620	12.7%	9.28	3.17	19.60	19.60
CHPG2502	9/26/2025	196	20,700	-72.60%	2.75	1,600	12.7%	8.29	7.55	27.55	27.55
CVPB2409	11/4/2025	235	701,500	-81.94%	2.20	670	11.7%	8.73	3.54	19.60	19.60
CMSN2502	5/26/2025	73	265,800	-83.19%	7.30	930	10.7%	12.77	11.95	71.10	71.10
CVPB2506	10/6/2025	206	579,500	-78.98%	2.02	1,050	10.5%	8.82	4.12	19.60	19.60
CVPB2407	7/28/2025	136	487,300	-82.55%	2.10	330	10.0%	4.38	3.42	19.60	19.60
CMBB2408	3/28/2025	14	62,300	-83.84%	2.78	230	9.5%	4.31	3.93	24.30	24.30
CMSN2405	4/28/2025	45	401,900	-86.92%	7.90	350	9.4%	15.81	9.30	71.10	71.10
CVIC2501	5/26/2025	73	156,100	-66.67%	4.00	2,680	8.5%	9.65	17.40	52.20	52.20

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 14/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CSHB2402 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 245.45%. CACB2504 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.33%.
- CFPT2404, CVHM2503, CTCB2504, CVHM2408, CMBB2505 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2403, CFPT2402, CVHM2504, CMWG2506, CVIB2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
SHB	10.70	7.00%	2.19
VPB	19.60	1.82%	1.46
VIC	52.20	1.56%	0.88
MSN	71.10	0.99%	0.52
VJC	98.60	1.34%	0.37

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	131.40	-3.74%	-4.37
LPB	34.95	-0.99%	-0.92
HPG	27.55	-0.54%	-0.49
ACB	26.00	-0.38%	-0.37
STB	38.85	-0.38%	-0.26

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	52.20	1.56%	0.77	3.82
SHB	10.70	7.00%	0.75	4.07
VPB	19.60	1.82%	0.70	7.93
VCB	66.00	0.76%	0.69	5.59
NVL	11.10	6.73%	0.36	1.95

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	205.00	6.77%	1.74	0.20
KSF	66.10	9.98%	1.24	0.30
HGM	328.80	6.41%	0.17	0.01
MVB	25.10	9.61%	0.16	0.11
THD	37.40	1.63%	0.15	0.38

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHB	10.70	7.00%	0.73	141.46
SRC	27.25	6.86%	0.01	0.03
NVL	11.10	6.73%	0.35	40.16
TPC	11.00	3.29%	0.00	0.01
SC5	19.00	3.26%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	66.10	9.98%	6.79	0.01
VMS	27.90	9.84%	0.08	0.01
QST	26.20	9.62%	0.03	0.00
MVB	25.10	9.61%	0.87	0.05
BDB	8.10	9.46%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	131.40	-3.74%	-1.78	1.47
GAS	67.70	-0.88%	-0.34	2.34
HVN	27.85	-1.94%	-0.30	2.21
BSR	18.95	-1.81%	-0.26	3.10
LPB	34.95	-0.99%	-0.26	2.99

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

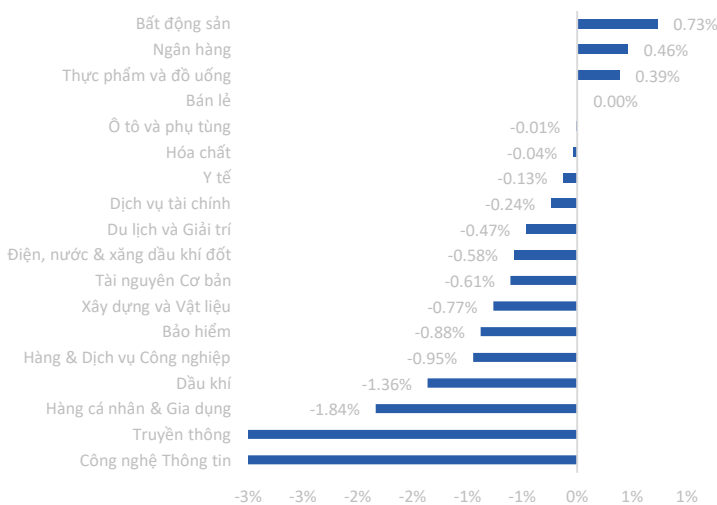
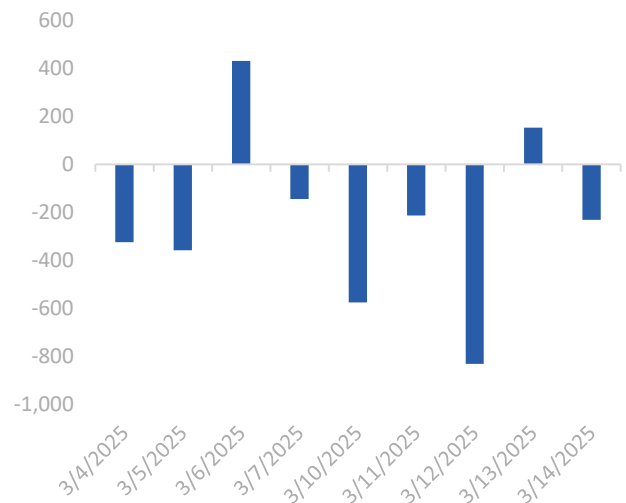
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	32.50	-2.11%	-0.20	0.48
IDC	54.30	-1.27%	-0.14	0.33
HUT	16.20	-1.22%	-0.11	0.89
VIF	18.00	-2.70%	-0.11	0.35
NTP	65.20	-1.66%	-0.10	0.14

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TMT	13.95	-7.00%	-0.01	0.05
TNC	33.50	-5.90%	-0.01	0.00
CDC	20.90	-4.57%	-0.01	0.39
VSI	17.90	-4.28%	0.00	0.00
VRC	15.10	-4.13%	-0.01	0.04

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NHC	23.60	-9.92%	-0.02	0.00
TKU	14.80	-9.76%	-0.23	0.00
AMV	2.00	-9.09%	-0.08	3.40
NBW	35.30	-9.02%	-0.12	0.00
PGS	31.50	-8.96%	-0.48	0.00

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã CK	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	61.5	0.0%	1.4	89,881	651.7	2,544	24.2		46.0%	
KBC	Bất động sản	29.4	-0.5%	1.8	22,683	119.1	555	53.2		19.5%	
KDH	Bất động sản	32.2	-0.6%	1.1	32,710	97.8	862	37.5		36.1%	
PDR	Bất động sản	20.2	2.0%	1.9	17,288	214.5	643	30.8	23,600	7.6%	Link
VHM	Bất động sản	47.9	0.2%	1.1	196,334	818.3	7,286	6.6	58,200	12.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	131.4	-3.7%	1.0	200,801	2155.4	5,365	25.4	163,000	44.1%	Link
BSR	Dầu khí	19.0	-1.8%	0.0	59,840	101.2	202	95.7		0.3%	
PVS	Dầu khí	32.5	-2.1%	1.2	15,868	164.5	2,473	13.4	40,300	18.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	31.8	0.0%	1.8	22,895	305.9	1,571	20.2		43.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	27.0	0.0%	1.6	52,872	904.9	1,536	17.6		38.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	38.9	0.1%	1.8	27,898	237.3	1,537	25.3		27.6%	
DCM	Hóa chất	34.0	-0.7%	1.7	18,105	91.7	2,682	12.8	41,100	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	107.0	-1.7%	1.5	41,358	282.0	7,864	13.9	111,400	16.3%	Link
ACB	Ngân hàng	26.0	-0.4%	0.7	116,580	317.6	3,759	6.9		30.0%	
BID	Ngân hàng	40.4	0.5%	0.9	282,259	92.4	3,572	11.3	47,000	16.7%	Link
CTG	Ngân hàng	42.3	0.0%	1.0	227,151	331.8	4,720	9.0		26.8%	
HDB	Ngân hàng	23.2	0.2%	0.9	80,911	169.6	3,667	6.3		17.2%	
MBB	Ngân hàng	24.3	0.0%	0.9	148,285	486.3	3,729	6.5	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.6	1.8%	1.3	29,640	112.5	2,123	5.4	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	38.9	-0.4%	1.2	73,523	487.2	5,351	7.3		22.1%	
TCB	Ngân hàng	27.3	0.0%	1.1	192,870	576.7	3,054	8.9	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.1	0.3%	1.0	42,403	164.1	2,299	7.0	-	28.2%	Link
VCB	Ngân hàng	66.0	0.8%	0.5	547,298	333.5	4,049	16.2		22.7%	
VIB	Ngân hàng	20.4	0.3%	0.9	60,476	111.2	2,424	8.4		5.0%	
VPB	Ngân hàng	19.6	1.8%	0.9	152,728	349.0	1,989	9.7	25,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.6	-0.5%	1.2	177,176	527.7	1,879	14.7	37,500	21.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.7	-0.8%	1.6	11,706	89.6	935	20.2	22,700	8.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.4	-3.3%	1.9	10,157	451.4	2,712	11.2	31,000	9.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	71.1	1.0%	1.4	101,260	520.7	1,345	52.4		25.2%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.1	0.2%	0.5	129,577	168.2	4,494	13.8		50.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã CK	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.3	0.25%	2.0	8,811	50.4	2,042	19.7	18.8%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	180.1	0.06%	1.0	24,524	71.4	2,331	77.2	33.1%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	53.6	-0.92%	1.0	40,160	35.5	2,809	19.3	26.6%	9.5%	
DIG	Bất động sản	20.7	2.74%	1.6	12,258	519.6	172	116.8	3.9%	1.4%	
DXG	Bất động sản	16.3	1.56%	1.6	13,977	261.2	351	45.7	20.5%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.1	1.21%	1.4	4,423	82.2	377	65.8	2.9%	3.1%	
HDG	Bất động sản	27.7	-0.89%	1.5	9,400	65.7	1,714	16.3	19.6%	9.4%	
IDC	Bất động sản	54.3	-1.27%	1.2	18,150	77.7	6,050	9.1	21.5%	37.7%	
NLG	Bất động sản	33.5	-0.15%	1.5	12,900	226.6	1,331	25.2	39.9%	5.4%	
SIP	Bất động sản	91.3	1.33%	0.0	18,969	54.1	5,555	16.2	5.2%	29.5%	
SZC	Bất động sản	44.8	0.00%	1.7	8,063	125.7	1,809	24.8	2.3%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	17.3	0.29%	1.8	11,527	91.2	1,466	11.8	8.8%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	52.2	1.56%	1.1	196,536	440.9	3,026	17.0	9.1%	9.3%	
VRE	Bất động sản	18.8	-0.27%	1.3	42,720	215.6	1,802	10.4	17.8%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	41.5	-2.24%	0.9	8,970	50.5	1,478	28.7	35.8%	11.4%	
PLX	Dầu khí	41.4	-0.72%	1.0	52,984	69.3	2,275	18.3	17.4%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	23.1	-1.91%	1.4	13,063	165.3	1,252	18.8	9.3%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	50.1	-1.18%	2.2	15,510	144.1	1,869	27.1	30.2%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.5	-0.33%	1.9	17,527	92.3	1,583	19.3	7.1%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.7	-0.88%	0.6	160,005	63.8	4,439	15.4	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.0	0.42%	1.0	27,985	99.1	535	22.4	3.6%	4.0%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.9	-1.80%	1.0	34,007	75.8	4,237	17.0	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	98.6	1.34%	0.5	52,699	256.9	2,632	37.0	12.9%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.6	-1.10%	2.3	19,595	144.3	1,910	11.9	7.8%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.1	-2.52%	1.0	25,043	144.1	4,631	12.9	43.3%	13.9%	
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.0	-1.74%	1.6	5,922	124.4	4,658	10.5	11.1%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.4	-0.78%	1.3	9,114	79.8	3,071	8.3	12.0%	15.1%	
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	146.4	-2.85%	0.0	18,353	52.0	3,144	47.9	6.6%	24.1%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.4	-2.89%	0.8	30,411	159.9	6,305	14.3	49.0%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	41.6	0.00%	0.8	4,237	101.0	2,710	15.4	50.0%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.5	-0.88%	1.1	2,783	19.6	2,575	8.8	16.1%	17.5%	
DPM	Hóa chất	35.7	0.00%	1.5	13,951	94.7	1,518	23.5	9.2%	5.3%	Link
GVR	Hóa chất	33.3	0.91%	2.2	132,000	139.1	1,053	31.3	0.6%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	20.2	-0.98%	1.1	37,906	135.4	1,786	11.4	3.9%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	35.0	-0.99%	0.8	105,451	53.1	3,254	10.9	0.9%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	17.6	0.00%	0.0	23,277	65.3	2,702	6.5	1.3%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.2	1.36%	1.0	27,124	22.1	1,287	8.6	19.8%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	-1.24%	1.6	7,206	145.9	1,408	11.4	8.0%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.2	-0.29%	1.7	4,593	21.6	182	94.9	0.7%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.2	0.61%	0.8	7,888	165.2	1,584	20.8	3.2%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	51.6	0.98%	1.1	65,539	80.0	3,376	15.1	60.2%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	67.0	-1.33%	1.3	15,240	83.4	5,496	12.4	26.0%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	119.0	-1.08%	1.0	9,848	50.4	12,103	9.9	82.4%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.0	-2.24%	1.4	8,484	145.2	3,734	22.7	49.0%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	112.1	-2.52%	1.4	13,154	107.3	4,709	24.4	8.4%	28.0%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.1	1.05%	1.7	2,999	36.9	3,545	13.4	6.4%	11.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.5	0.00%	1.7	5,403	104.9	937	13.3	7.1%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.8	-1.30%	1.6	8,262	55.3	1,287	18.0	15.8%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	20.9	0.00%	1.9	12,511	279.1	1,579	13.2	6.1%	12.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	50.9	-0.78%	1.8	23,000	50.3	2,464	20.8	5.8%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>